



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision : 2989/QĐ – VPCNCLQG
ngày 12 tháng 10 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kiểm soát Chất lượng và Dịch vụ kỹ thuật**
Laboratory: **Quality Control & Technical Services Department**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật công nghệ EDH**
Organization: **EDH Technology Development Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1053**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Điện - Điện tử**
Electrical - Electronic

Người quản lý/
Laboratory manager: **Đào Quang Tú**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày 12 / 10 / 2026 đến ngày 11 / 10 / 2031**

Địa chỉ:
Address: **Lô 2, CN3, Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội**
Lot 2, CN3, Ngoc Hoi Industrial Cluster, Ngoc Hoi Commune, Hanoi city

Địa điểm:
Location: **Lô 2, CN3, Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội**
Lot 2, CN3, Ngoc Hoi Industrial Cluster, Ngoc Hoi Commune, Hanoi city

Điện thoại/ Tel: **024 3783 0057**

Email: **edh@edh.com.vn**

Website: **www.edh.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1053

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp <i>Low-voltage switchgear and controlgear assemblies</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	Đến/ To 10 TΩ	TCVN 7994-1:2009
2.		Thử chịu điện áp tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstand voltage test</i>	(0,5 ~ 5) kV	TCVN 7994-1:2009
3.		Thử độ tăng nhiệt tại điểm tiếp xúc <i>Temperature increase test at the point of contact</i>	Đến/ To 200 °C	TCVN 7994-1:2009
4.	Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp (Aptomat) <i>Low voltage switchgear and controlgear (Circuit- breakers)</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	Đến/ To 10 TΩ	TCVN 6592-2:2009
5.		Thử đặc tính tác động cắt theo thời gian <i>Tripping-time characteristic test</i>	Đến/ To 9,99 kA	TCVN 6592-2:2009
6.		Thử điện áp tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstand voltage test</i>	Đến/ To 5 kV	TCVN 6592-2:2009
7.	Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp (Contactor) <i>Low voltage switchgear and controlgear (Contactor)</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	(30 kΩ ~ 10 TΩ)	TCVN 6592-4-1:2009 TCVN 6592-1:2009
8.		Thử điện áp tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstand voltage test</i>	(0,5 ~ 5) kV	TCVN 6592-4-1:2009 TCVN 6592-1:2009
9.	Tủ điện đóng cắt và điều khiển cao áp <i>High-voltage switchgear and controlgear</i>	Thử điện áp tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstand voltage test</i>	Đến/ To 50/70 kV 40 mA	TCVN 8096-200:2010
10.	Máy cắt điện xoay chiều cao áp <i>High-voltage AC Circuit Breaker</i>	Thử điện áp tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstand voltage tets</i>	Đến/ To 50/70 kV 40 mA	IEC 62271-100:2021 + AMD1:2024
11.		Thử điện trở tiếp xúc <i>Contact resistance test</i>	Đến/ To 2 000 μΩ	IEC 62271-100:2021 + AMD1:2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1053

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
12.	Dao cách ly và dao nối đất xoay chiều cao áp <i>High-voltage AC Disconnectors and Earthing Switches</i>	Thử điện áp tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstand voltage tests</i>	Đến/ To 50/70 kV 40 mA	IEC 62271-102:2022 EXV
13.		Thử điện trở tiếp xúc <i>Contact resistance test</i>	Đến/ To 2 000 $\mu\Omega$	IEC 62271-102:2022 EXV
14.	Cáp điện lực có điện áp danh định U_m: (1,2~36) kV <i>Power cables of rated voltages U_m: (1,2~36) kV</i>	Đo điện trở cách điện ở điều kiện môi trường <i>Measurement of insulation resistance at environmental conditions</i>	Đến/ To 2 000 M Ω	TCVN 5935-1:2013 TCVN 5935-2:2013
15.		Thử điện áp tăng cao một chiều <i>DC Withstand Voltage Test</i>	Đến/ To 50/70 kV (40 mA)	TCVN 5935-1:2013 TCVN 5935-2:2013
16.	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V <i>Polyvinyl chloride insulated cables of rated voltages up to and including 450/750 V</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	Đến/ To 2 000 M Ω	TCVN 6610-1:2014 & TCVN 6610-2:2007
17.		Thử điện áp tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstand voltage test</i>	(0,5 ~ 5) kV	TCVN 6610-1:2014 & TCVN 6610-2:2007
18.	Ruột dẫn của cáp cách điện <i>Conductors of insulated cables</i>	Đo điện trở một chiều <i>Measurement of DC resistance</i>	Đến/ To 2 500 Ω	TCVN 6612:2007
19.	Role bảo vệ <i>Relay protection</i>	Đo điện trở cách điện một chiều <i>Measurement of DC insulation resistance</i>	Đến/ To 200 000 M Ω / 1 k Ω	IEC 60255-27:2023
20.		Thử dòng điện tác động/ trở về (role dòng điện) <i>Pick-up/ Drop-off current tests (current relays)</i>	Đến/ To 30 A _{AC} /1 mA (0 ~ 360) ° (0,1 ms ~ 9 999 s)/ 0,1 ms	IEC 60255-151:2009

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1053

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
21.	Role bảo vệ Relay protection	Thử tần số tác động/ trở về (role tần số) <i>Pick-up/ Drop-off frequency tests (frequency relays)</i>	(10 ~2 000) Hz/ 0,1 Hz Đến/ To 150 V _{AC} /10 mV Đến/ To 30 A _{AC} /1 mA (0 ~ 360) ° (0,1 ms ~ 9 999 s)/ 0,1 ms	IEC 60255-181:2019
22.		Thử điện áp tác động/trở về (role điện áp) <i>Pick-up/ Drop-off voltage tests (voltage relays)</i>	Đến/ To 150 V _{AC} /10 mV (0 ~ 360) ° (0,1 ms ~ 9 999 s)/ 0,1 ms	IEC 60255-127:2010
23.		Thử tổng trở tác động/trở về (role tổng trở) <i>Pick-up/ Drop-off impedance tests (impedance relays)</i>	Đến/ To 150 V _{AC} /10 mV Đến/ To 30 A _{AC} / 1mA (0 ~ 360) ° (0,1 ms ~ 9 999 s)/ 0,1 ms	IEC 60255-121:2014
24.		Thử miền tác động/ trở về (role quá dòng có hướng, role công suất) <i>Pick-up/ Drop-off zone tests (directional relay and power relays)</i>	Đến/ To 150 V _{AC} /10 mV Đến/ To 30 A _{AC} / 1 mA (0 ~ 360) ° (0,1 ms ~ 9 999 s)/ 0,1 ms	IEC 60255-12:1980
25.		Thử miền tác động/ trở về (role so lệch) <i>Pick-up/ Drop-off zone tests (biased differential relays)</i>	Đến/ To 30 A _{AC} /1 mA (0 ~ 360) ° (0,1 ms ~ 9 999 s)/ 0,1 ms	IEC 60255-13:1980 IEC 60255-187-1:2021
26.	Máy biến áp chứa chất lỏng Liquid-Filled Power Transformers	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of Insulation resistance</i>	Đến/ To 10 TΩ	IEEE C57.152-2025
27.		Đo điện trở một chiều của các cuộn dây <i>Measurement of Windings resistance</i>	0,1 μΩ ~ 2 kΩ	IEEE C57.152-2025

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1053

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
28.	Máy biến áp chứa chất lỏng <i>Liquid- Filled Power Transformers</i>	Đo tỷ số biến <i>Measurement of voltage ratio</i>	0,8 ~ 50 000 (10; 40; 100) V	IEEE C57.152-2025
29.	Máy biến áp điện lực <i>Power transformers</i>	Thử điện áp tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstand voltage test</i>	Đến/ To 50/70 kV (40 mA)	TCVN 6306-3:2006
30.		Đo tổn hao và dòng điện không tải <i>Measurement of no-load loss and current</i>	Đến/ To 415 V Đến/ To 10 A	TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011)
31.	Vỏ ngoài của thiết bị điện có điện áp danh định không vượt quá 72,5 kV <i>Enclosures for electrical equipment with a rated voltage not exceeding 72,5 kV</i>	Thử cấp bảo vệ chống tiếp cận các phần nguy hiểm <i>Protection Against Access to Hazardous Parts Test</i>	IP2X, IP3X, IP4X Đầu dò từ/ <i>Probe</i> (1 ~ 12,5) mm	TCVN 4255:2025
32.		Thử bảo vệ chống nước xâm nhập <i>Protection test against ingress of water</i>	IPX3, IPX4, IPX5, IPX6	TCVN 4255:2025
33.	Chống sét van có khe hở <i>Surge arresters type gapped</i>	Thử điện áp phóng tần số công nghiệp chống sét có điện áp định mức $U_r < 35$ kV <i>Power- frequency voltage sparkover test for arrester of rated voltage $U_r < 35$ kV</i>	Đến/ To 50/70 kV (40 mA)	TCVN 8097-1:2010
34.	Hệ thống tiếp đất <i>Earthing systems</i>	Đo điện trở tiếp đất <i>Measurement of resistance to earth</i>	0,01 Ω ~ 19,99 k Ω	IEEE 81-2025

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1053**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
35.	Đồng hồ đo điện hiện số <i>Digital electricity meter</i>	Kiểm tra độ chính xác <i>Check accuracy</i>	- Điện áp/ <i>Voltage</i> : Đến/To: 1020 V - Dòng điện/ <i>Current</i> : Đến/To: 10,4 A - Điện trở/ <i>Resistance</i> Đến/ To: 10 MΩ - Công suất/ <i>Power</i> Đến/ To: 36 kW/pha (f= 50 Hz) - Công suất phản kháng/ <i>Reactive power</i> Đến/To: 36 kVAr/pha (f = 50 Hz)	QTTN-19:2026

Ghi chú/Note:

- IEEE: Hội Kỹ sư Điện và Điện tử/ *Institute of Electrical and Electronics Engineers*;
- IEC: Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*;
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam/ *Viet Nam national standards*;
- Trường hợp Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật công nghệ EDH cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật công nghệ EDH phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for EDH Technology Development Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.* 